

Bản án số: 12/2023/DS-ST

Ngày: 12/5/2023

“Tranh chấp kiện đòi lại tiền đặt cọc”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH - NGHỆ AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Đâu – Bà Nguyễn Thị Xuân Oanh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:*

Bà Trần Thị Tú – chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân Thành phố Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2022/TLST - DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp kiện đòi lại tiền đặt cọc” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-DS ngày 25/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng C - Sinh năm 1984. Có mặt

Địa chỉ: K, phường Q, thành phố V, Nghệ An.

Bị đơn: Ông Phạm Xuân T - Sinh năm 1984. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm G, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hoàng C trình bày: Ngày 06/11/2021 ông Phạm Xuân T có gọi điện và nhắn tin giới thiệu mình có hai cái container 40 feet loại cao 2.9m cần bán mang số HJCU7559729 và số D/GL-4850-138/2002 với giá giao tại bãi là 165.000.000 đồng và yêu cầu ông C chuyển số tiền đặt cọc là 65.000.000 đồng và cam kết giao hai cái container chậm nhất ngày 18 giờ ngày 08/11/2021. Do trước đây đã mua bán với ông T nhiều lần nên cùng ngày ông C đã nhờ ông H chuyển tiền cọc cho ông T với nội dung “Nguyễn Doãn H1 chuyển tiền C1 mua containe” và ông T đã xác nhận bằng tin nhắn đã nhận đủ số tiền cọc.

Đến ngày 08/11/2021 thì ông T không giao được hàng như đã hẹn, ông C đã nhiều lần đôn đốc ông T giao hàng nhưng ông T vẫn không thực hiện nên ông C

đã đề nghị chấm dứt việc mua bán và đề nghị ông T trả lại tiền cọc. Nhưng ông T xin thêm thời gian và hứa là sẽ giao hàng đúng hẹn ngày 15/11/2021, nếu không giao được hàng thì ông T chịu phạt và bồi thường cho tôi số tiền là 130.000.000 đồng đền bù vì không giao được hàng cộng với 3.000.000 đồng đền cước cho xe bốc container nằm chờ cả ngày để chở hàng. Tổng số tiền ông T cam kết trả trong trường hợp không giao được hàng là 133.000.000 đồng.

Tuy nhiên, sau nhiều lần không giao được hàng thì ông C yêu cầu ông T trả lại tiền. Sau này, ông T nói không có hàng để giao và mới trả cho ông C số tiền 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay ông C yêu cầu ông T phải trả cho ông C tổng số tiền là 18.000.000 đồng trong đó 15.000.000 là tiền cọc mua hàng và 3.000.000 đồng là tiền cước thuê xe.

Tại phiên tòa hôm nay ông Phạm Xuân T vắng mặt tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Xuân T trình bày: Ông T thừa nhận có nhắn tin cho ông C rao bán hai chiếc container với giá 165.000.000 đồng và yêu cầu ông C đặt cọc số tiền 65.000.000 đồng như ông C trình bày là đúng. Ông T đã nhận số tiền 65.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền cọc thì ông T đã chuyển số tiền 100.000.000 đồng đi Q để mua container. Do dịch bệnh covid nên không lấy được container nên không có container để giao cho ông C. Đến ngày 22/02/2022 ông T đã chuyển trả cho ông C số tiền 50.000.000 đồng tiền cọc. Số tiền còn lại là 15.000.000 đồng tiền cọc và 3.000.000 đồng tiền cước xe thì ông T cũng đồng ý trả lại cho ông C nhưng do hiện nay ông T không có tiền nên đề nghị ông C kéo dài thêm thời gian để ông T trả tiền sau cho ông C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc:

Về phần thủ tục tố tụng: Thủ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tổng đạt các văn bản cho đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền và lợi ích của đương sự. Thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tại điều 70, 71 BLTTDS, bị đơn đã không chấp hành đúng quy định của pháp luật tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 232, Điều 234, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 274, 275, 280, 328 Bộ luật dân sự năm 2015 khoản 2 Điều

26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Hoàng C**

Buộc ông **Phạm Xuân T** phải trả cho ông **Hoàng C** số tiền 18.000.000 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông **C** được chấp nhận nên ông **T** phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trình bày của đương sự tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông **Phạm Xuân T** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **xóm G, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An** nên Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về việc vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa ông **T** vắng mặt, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông **T** nhiều lần nhưng ông **T** vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông **Phạm Xuân T**.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: ông **Hoàng C** yêu cầu ông **Phạm Xuân T** trả số tiền đặt cọc 15.000.000 đồng và tiền cước vận chuyển 3.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Mặc dù các bên giao dịch đặt cọc với nhau không thông qua hình thức ký kết bằng hợp đồng, tuy nhiên các bên đều thừa nhận ngày 06/11/2021 ông **T** nhắn tin cho ông **C** để chào bán hai container và hai bên đã thống nhất bán với mức giá 165.000.000 đồng. Ngày 06/11/2021 ông **C** đã chuyển cho ông **T** 65.000.000 đồng tiền đặt cọc và ông **T** đã nhận đủ số tiền cọc này.

Như vậy, xét giao dịch đặt cọc giữa người đặt cọc là ông **Hoàng C** với bên nhận tiền cọc là ông **Phạm Xuân T** là giao dịch dân sự được giao kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên và phù hợp với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông **T** đã không giao được hai container cho ông **C** như đã thoả thuận. Theo ông **T** trình bày nguyên nhân do dịch bệnh covid

nên không chuyển container về được và đến ngày 22/02/2022 thì ông T đã trả trước cho ông C số tiền cọc 50.000.000 đồng. Nay ông C yêu cầu ông T trả số tiền cọc còn lại là 15.000.000 đồng và tiền xe là 3.000.000 đồng thì ông T cũng đồng ý nhưng đề nghị kéo dài thời gian để ông T có khả năng thanh toán.

Xét yêu cầu của ông C là chính đáng và ông T cũng đồng ý trả cho ông C số tiền cọc còn lại là 15.000.000 đồng và tiền xe là 3.000.000 đồng nên cần chấp nhận yêu cầu của ông C, buộc ông T phải thanh toán cho ông C số tiền cọc còn lại là 15.000.000 đồng và tiền xe là 3.000.000 đồng. Tổng cộng là 18.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 232, Điều 234, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015 khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng C.
2. Buộc ông Phạm Xuân T phải trả cho ông Hoàng C số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Ông Phạm Xuân T phải chịu 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Hoàng C số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu tiền số 0010277 ngày 28/9/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành Vinh, tỉnh Nghệ An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND thành phố Vinh
- Chi cục THADS TP Vinh
- Các đương sự
- Lưu HS

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Minh Hiền